TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2022/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 14 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992;

Đăng ký HKTT: K 7, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: K 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989;

Đăng ký HKTT: Khu 7, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Kim C, sinh ngày 08/4/2018. Anh Phạm Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 19/7/2011 và cháu Phạm Chi Đ, sinh ngày 16/6/2015 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp: Hai

bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2020/0001440 ngày 23/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Nguyễn Thị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ;*
- *Lưu H-VP.*

THẨM PHÁN

Cao Thị Đào